GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ HIỆU QUẢ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN Ở VIỆT NAM

TS. Đặng Thị Ngọc Lan*

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán làm một tổ chức không thể thiếu được trên thị trường chứng khoán,với vai trò vừa là nhà đầu tư, vừa là nhà tổ chức và vừa là nhà dẫn dắt thị trường. Thị trường chứng khoán Việt Nam ra đời từ năm 2010 đến nay đã có lịch sử gần 25 năm hình thành và phát triển, trong quá trình đó có vai trò quan trọng của các Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo cần khẩn trương nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam lên thị trường cận biên. Để thực hiện mục tiêu đó cần thiết phải tiếp tục phát triển các Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Bài viết xin phân tích một số quan điểm về Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

• Từ khóa: *công ty quản lý, chứng khoán, quy đầu tư.*

Securities investment fund management companies are indispensable organizations in the stock market, with the role of both investors, organizers and market leaders. The Vietnamese stock market was born in 2010 and has a history of nearly 25 years of formation and development, in which the important role of securities investment fund management companies is played. The Prime Minister directed that it is necessary to urgently upgrade the Vietnamese stock market to a frontier market. To achieve that goal, it is necessary to continue developing securities investment fund management companies. This article analyzes some viewpoints on securities investment fund management companies.

• Key words: *management company, securities, investment fund.*

JEL code: A1

Ngày nhận bài: 15/10/2025
Ngày gửi phản biện: 21/11/2025
Ngày duyệt đăng: 08/01/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v25.i305.06

1. Giới thiệu nghiên cứu

Bài viết tập trung nghiên cứu một số cơ sở lý thuyết cơ bản về Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, làm rõ khái niệm, sơ đồ luân chuyển vốn và phân loại Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Nghiên cứu cũng tập trung làm rõ thực trạng hoạt động các Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ở Việt Nam trong thời gian qua, đưa ra một số đánh giá về kết quả đạt được, chỉ rõ hạn chế và tìn ra nguyên nhân của những hạn chế. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề suất một số giải pháp nhằm phát triển bền vững Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ở Việt Nam trong thời gian tới. Đây là vấn đề có ý nghĩa hết sức thiết thực đang đặt ra trong thực tiễn ở nước ta hiện nay.

Bài viết nghiên cứu về thực tiễn, không có điều kiện tiến hành điều tra, khảo sát, sử dụng mô hình toán, tính toán và xác định các nhân tố ảnh hưởng. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính truyền thống, sử dụng nguồn số liệu và tư liệu thứ cấp của các cơ quan chức năng, các tổ chức đã công bố. Trên cơ sở đó viết tiến hành phân tính, so sánh, đánh giá, đưa ra nhận xét và khuyến nghị hàm ý chính sách.

2. Luận cứ khoa học của đối tượng nghiên cứu

2.1. Khái niệm công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán là một loại hình tổ chức trung gian tài chính, chuyên thành lập và quản lý các quỹ đầu tư trung và dài hạn của công chúng. Theo Luật Chứng khoán 2019, Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp; trong đó được thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh sau đây: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán. *(Quốc hội, 2019).*

2.2. Phân loại công ty quản lý quỹ

Theo Luật Công ty Đầu tư (The Investment Company Act) năm 1940 của Mỹ (U.S. Securities and Exchange Commission, 1940), các công ty đầu tư được phân loại như sau:

Công ty phát hành chứng chỉ có mệnh giá (face-amount certificate company)

- Công ty Quỹ đầu tư uỷ thác theo đơn vị (UIT)

- Công ty đầu tư chuyên nghiệp (công ty quản lý quỹ chuyên nghiệp)

Ngoài ra, việc phân loại công ty quản lý quỹ có thể căn cứ vào mô hình hoạt động, bao gồm: Công ty TNHH quản lý quỹ và Công ty Cổ phần quản lý quỹ.

2.3. Cơ sở pháp lý ra đời và và hoạt động của Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006 và có hiệu lực từ ngày 1/1/2007 đã tạo hành lang pháp lý quan trọng cho hoạt

** Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Cửu Long; email: ngoclan29ufm@gmail.com*

động của thị trường chứng khoán nói chung và ngành quỹ nói riêng. Trên cơ sở này, việc điều chỉnh hoạt động cho các công ty quản lý quỹ cũng chính thức có văn bản pháp lý riêng biệt quy định liên quan đến việc thành lập và tổ chức hoạt động của công ty quản lý quỹ chỉ bắt đầu từ năm 2007, đó là Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ, đồng thời văn bản này đã được chỉnh sửa bổ sung vào năm 2008 theo Quyết định 125/2008/QĐ-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008. *(Bộ Tài chính, (2008)*

Quy định hoạt động của các công ty quản lý quỹ gần đây nhất là Thông tư 99/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020, của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ. *(Bộ Tài chính, 2020).*

3. Thực trạng phát triển của các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam giai đoạn 2003-2025

3.1. Thực trạng phát triển số lượng Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

Trong giai đoạn đầu phát triển của thị trường chứng khoán từ năm 2000 đến năm 2005, chỉ có 6 Công ty quản lý quỹ được thành lập. Số lượng các công ty quản lý quỹ tăng nhanh chóng trong vòng 3 năm, đạt tới con số 47 công ty năm 2009 và giao động ổn định quanh con số này trong các năm tiếp theo. *(Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 2013-2024).*

Tính đến giữa năm 2024, ở Việt Nam có 44 công ty quản lý quỹ đang hoạt động bình thường, 04 công ty thuộc dạng tái cấu trúc. Tổng số vốn điều lệ của các công ty đang hoạt động là 354.000 tỷ đồng. So với giai đoạn trước, bên cạnh hai nghiệp vụ chính là Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Quản lý danh mục đầu tư, các công ty quản lý quỹ thực hiện thêm nghiệp vụ Tư vấn đầu tư chứng khoán. Tính đến hết năm 2024 có 43 Công ty quản lý quỹ được cấp phép và đang hoạt động và tính đến hết tháng 8/2025 con số này vẫn là 43 Công ty. Tổng số vốn điều lệ của các công ty đang hoạt động tính đến hết tháng 8/2025 ước tính đạt 361.500i tỷ đồng, tăng nhẹ so với cuối năm 2024. *(Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 2025).*

3.2. Thực trạng tổng tài sản ủy thác quản lý của các Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ở Việt Nam

Trong những năm qua, tổng tài sản ủy thác quản lý của các Công ty quản lý quỹ có sự tăng trưởng mạnh. Nếu như vào thời điểm cuối năm 2011, tổng giá trị tài sản ủy thác quản lý AUM tại các công ty quản lý quỹ là hơn 98.000 tỷ đồng thì đến cuối năm 2020 là 435.000 tỷ đồng (gấp hơn 4 lần so với thời cuối năm 2011), trong đó, tổng giá trị danh mục đầu tư của khách hàng ủy thác là hơn 378.000 tỷ đồng và tổng giá trị tài sản ròng của các quỹ là gần 57.000 tỷ đồng. Tính tới cuối năm 2023, tổng giá trị tài sản ủy thác quản lý (AUM) tại các công ty quản lý quỹ thống kê ước tính khoảng 639.000 tỷ đồng, tăng 9,2% so với thời điểm cuối năm 2022. *(HOSE, 2024).*

Trung bình tăng trưởng AUM trong các năm 2021-2023 là hơn 16%/năm. Có thể thấy rõ hơn sự tăng trưởng của tổng tài sản ủy thác quản lý của các công ty quản lý quỹ qua biểu đồ dưới đây. *(HOSE, 2024).*

Sự tăng trưởng này xuất phát từ sự phát triển của nền kinh tế nói chung (GDP tăng từ 2,8 triệu tỷ đồng năm 2010 lên 9,513 triệu tỷ đồng năm 2023), quy mô của thị trường chứng khoán (vốn hóa tăng từ 546.000 tỷ đồng năm 2010 lên 5,3 triệu tỷ đồng năm 2023). Tổng quy mô danh mục ủy thác của 43 công ty quản lý quỹ đạt gần 586.000 tỷ đồng vào cuối năm 2024, tăng khoảng 13% so với hết năm 2023 và đến hết tháng 8/2025 ước tính đạt 609.000 tỷ đồng, tăng nhẹ so với đầu năm 2025. *(Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 2025).*

Quy mô vốn hóa của thị trường cổ phiếu Việt Nam tiếp tục tăng trưởng khá trong năm 2024 và 8 tháng đầu năm 2025, đến hết năm 2024 trên ba sàn năm 2023, tương đương khoảng 70% GDP, tăng 14,3% so với kết thúc năm 2023. Tính đến hết tháng 6/2025, quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt gần 7.690 nghìn tỷ đồng, tăng 7,2% so với cuối năm 2024, tương đương 66,8% GDP. Đến hết tháng 8/2025, quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu Việt Nam tiếp tục tăng trưởng khác, với mức tăng khoảng 8% so với cuối tháng 6/2025. *(Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 2025).*

4. Đánh giá thực trạng hoạt động của các Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam giai đoạn 2013-2025

4.1. Những kết quả đạt được

Việc hình thành một hệ thống các công ty quản lý quỹ phong phú và đa dạng về quy mô vốn và hình thức sở hữu như hiện nay, đặc biệt kể từ khi Luật Chứng khoán ra đời và có hiệu quả tác động trực tiếp đến tất cả các hoạt động của thị trường chứng khoán.

Với số lượng Công ty quản lý quỹ đến nay là 43 công ty, mỗi công ty có những đặc điểm riêng và cơ cấu sở hữu, tổ chức khác nhau nhưng đã thể hiện được những thuận lợi nhất định trong quá trình hoạt động, cụ thể:

- Về quy mô vốn quản lý: Mặc dù thị trường chứng khoán Việt Nam còn non trẻ với 25 năm hoạt động nhưng cũng đã đạt được những thành công nhất định, đặc biệt các công ty quản lý quỹ có thời gian hoạt động chỉ được một nửa thời gian hoạt động của thị trường chứng khoán, nhưng hiện đã quản lý một lượng tài sản có quy mô lớn hơn nhiều lần so với vốn chủ của 43 Công ty quản lý quỹ. *(Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 2013-2024).*

- Về nguồn nhân lực: Với vai trò là tổ chức có chức năng cung cấp dịch vụ quản lý quỹ của khách hàng, kinh doanh vốn ủy thác của khách hàng nhằm đem lại lợi nhuận tối đa cho khách hàng, đòi hỏi các công

ty quản lý quỹ phải có một đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm thực tiễn.

- Về năng lực quản lý và điều hành của người hành nghề quản lý quỹ: nhìn chung, các công ty quản lý quỹ đều có đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn và khả năng quản lý, điều hành tốt, đặc biệt là các công ty quản lý quỹ thuộc sở hữu của các tổ chức kinh doanh, tổ chức tài chính nước ngoài rất coi trọng các vị trí lãnh đạo công ty.

- Về uy tín: Công ty quản lý quỹ hoạt động trên quan điểm là tổ chức thay mặt khách hàng để quản lý và kinh doanh vốn ủy thác của khách hàng, vì vậy tiêu chí đầu tiên mà các công ty quản lý quỹ đều xác định và giữ được là "uy tín" đối với khách hàng, đảm bảo an toàn tuyệt đối và đem lại lợi ích cao nhất đối với tài sản của khách hàng.

4.2. Hạn chế

Bên cạnh những mặt thuận lợi, hoạt động của các công ty quản lý quỹ còn có những hạn chế nhất định, tồn tại nhất định như sau:

Thứ nhất, một số công ty quản lý quỹ hoạt động không hiệu quả, kết quả kinh doanh thua lỗ, chưa huy động được quỹ, chỉ quản lý danh mục đầu tư ngắn hạn. Trong hoạt động quản lý danh mục đầu tư, việc quản lý danh mục cho các ngân hàng cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Thứ hai, năng lực hoạt động của các công ty quản lý quỹ chưa đồng đều, đội ngũ nhân sự có trình độ, nghiệp vụ chuyên môn về quản lý quỹ chỉ tập trung chủ yếu vào một số Công ty lớn.

Thứ ba, hạn chế về việc ứng dụng công nghệ thông tin:

Mỗi công ty quản lý quỹ hiện nay có hệ thống công nghệ quản lý thông tin (MIS) tương đối khác nhau, có công ty thiết lập riêng để quản lý và kiểm soát hiệu quả mọi mặt của các quá trình tác nghiệp của mình, có công ty còn sử dụng chung với hệ thống của chủ sở hữu đối với các công ty có các tập đoàn tài chính hoặc nhà nước là chủ sở hữu. Độ tinh vi của MIS chưa tương xứng với tính phức tạp và đa dạng của các nghiệp vụ của công ty quản lý quỹ.

Thứ tư, hạn chế trong công tác kiểm soát nội bộ của các công ty quản lý quỹ

Quy trình thực hiện kiểm soát nội bộ còn sơ sài, chưa cập nhật đầy đủ các nội dung hoạt động nghiệp vụ của công ty. Về nhận thức quản trị rủi ro chưa được đề cập chi tiết trong các quy trình nghiệp vụ: Nhìn chung các công ty đã nhận thức được rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của mình, đã thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, tuy nhiên một số công ty thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ chỉ có tính chất hình thức, chưa thực sự quan tâm đến việc quản trị rủi ro theo đúng thông lệ và quy định của pháp luật hiện hành, quá trình kiểm soát còn sơ sài, mang tính chất đối phó, tức là khi có kiểm tra, thanh tra thì mới thực hiện hoặc bổ nhiệm nhân sự cho bộ phận này..

Thứ năm, quy mô tài sản ủy thác đầu tư *và* số lượng các quỹ đầu tư còn nhỏ. So với các nước trong khu vực thì số lượng các quỹ ở Việt Nam còn hạn chế và các sản phẩm quỹ đầu tư còn chưa đa dạng.

4.3. Nguyên nhân khách quan của một số hạn chế về hoạt động các Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

Những hạn chế của thị trường quản lý quỹ do những nguyên nhân khách quan sau đây:

(i) Quy mô của Thị trường chứng khoán Việt Nam còn hạn chế, chỉ khởi sắc từ cuối năm 2017. Thị trường chứng khoán Việt Nam đã phục hồi mạnh từ cuối tháng 7/2025, chỉ số Vn-Index đến cuối tháng 8/2025 đã tăng lên trên 1.600 điểm. *(Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 2025).*

(ii) Văn hóa và thói quen đầu tư của người Việt Nam là tự đầu tư kinh doanh hoặc gửi tiết kiệm với lãi suất ổn định thay vì ủy thác qua các quỹ đầu tư được quản lý chuyên nghiệp bởi các chuyên gia tài chính. Thêm vào đó, thu nhập từ lãi tiền gửi tại tổ chức tín dụng được miễn thuế thu nhập cá nhân nên việc gửi tiết kiệm càng có tính cạnh tranh so với hoạt động đầu tư qua các quỹ.

(iii) Quỹ đầu tư bất động sản chưa phát triển

(iv) Chính sách thuế của Việt Nam chưa ưu đãi để khuyến khích nhà đầu tư tham gia mua chứng chỉ quỹ và phát triển hệ thống quỹ đầu tư chứng khoán. Cụ thể:

+ Đối với quỹ đầu tư chứng khoán: Theo quy định tại điểm 3 mục III Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán, Quỹ đầu tư chứng khoán không thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay Thông tư 100/2004/TT-BTC đã hết hiệu lực, do vậy, hiện tại việc xem xét Quỹ đầu tư chứng khoán thuộc đối tượng miễn thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc một phần thu nhập không phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp là không có căn cứ rõ ràng. *(Bộ Tài chính, 2004).*

+ Đối với nhà đầu tư tham gia vào quỹ:

Các nhà đầu tư của quỹ khi giao dịch chứng chỉ quỹ phải nộp thuế thu nhập cá nhân với thuế suất là 0,1% giá trị giao dịch đối với nhà đầu tư cá nhân, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% thu nhập tính thuế đối với nhà đầu tư tổ chức.*(Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 2013-2024).*

(v) Các tổ chức hỗ trợ cho hoạt động quản lý quỹ như ngân hàng lưu ký, giám sát, tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng, không nhiều, chất lượng hoạt động không đồng đều, ảnh hưởng đến chi phí hoạt động của quỹ.

4.4. Nguyên nhân chủ quan của một số hạn chế

Ngoài những nguyên nhân khách quan ở trên, các

hạn chế trong hoạt động của các công ty quản lý quỹ còn tới từ những nguyên nhân chủ quan sau đây:

(i) Năng lực huy động quỹ của các công ty quản lý quỹ còn hạn chế. Nhiều công ty có cơ cấu cổ đông chủ yếu là cá nhân, không có các cổ đông là tổ chức kinh tế có tiềm lực tài chính hoặc tổ chức nước ngoài nên không có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường để thu hút nhà đầu tư tham gia góp vốn thành lập quỹ hoặc tăng quy mô của các quỹ.

(ii) Hoạt động đầu tư của các quỹ không đồng đều. Một số quỹ có mức tăng trưởng NAV/chứng chỉ quỹ không cao hơn lãi suất tiền gửi và còn tiềm ẩn nhiều rủi ro thị trường, vì vậy không hấp dẫn công chúng đầu tư vào quỹ.

(iii) Công tác tuyên truyền phổ biến kiến thức cho các nhà đầu tư vẫn còn chưa đồng bộ và hiệu quả.

(iv) Hệ thống đại lý phân phối chứng chỉ quỹ còn chưa phát triển nhiều. Tính đến hết năm2024, chỉ có 40 tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối chứng chỉ quỹ gồm 36 công ty chứng khoán và 04 tổ chức kinh tế khác. *(Ủy ban chứng khoán nhà nước, 20213-2014).*

5. Một số khuyến nghị hàm ý chính sách

Từ những nội dung đã phân tích, đánh giá, trình bày ở trên, bài viết đưa ra số khuyến nghị tiếp tục phát triển bền vững các Công ty quản lý quy đầu tư chứng khoán ở Việt Nam sau đây:

5.1. Đối với Bộ Tài chính

Bộ Tài chính cần xem xét chỉ đạo Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại cơ sở hàng hóa; cơ cấu lại các tổ chức kinh doanh chứng khoán trên thị trường; cơ cấu lại cơ sở nhà đầu tư và cơ cấu lại tổ chức thị trường.

Bộ Tài chính cần chủ động phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan tiếp tục công tác rà soát, sửa đổi bổ sung Luật Chứng khoán, nhằm tạo điều kiện cho các quỹ đại chúng phát triển linh hoạt hơn, chủ động hơn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các quỹ, phù hợp với chính sách phát triển các ngành kinh tế, tài chính của Nhà nướ. Xin kiến nghị sửa đổi một số hạn mức đầu tư của quỹ đại chúng như sau:

+ Bộ Tài chính cần nâng hạn mức tối đa đầu tư vào chứng khoán của 01 tổ chức phát hành từ 10% lên 15% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;

+ Bộ Tài chính cũng cần xem xét nâng hạn mức tối đa đầu tư vào các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau từ 30% lên 35% tổng giá trị tài sản của quỹ đại chúng.

5.2. Đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Tăng cường sự phối hợp trao đổi thông tin, giám sát giữa Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các tập đoàn tài chính - ngân hàng, các giao dịch tài chính và dòng lưu chuyển vốn giữa các tổ chức tín dụng và các tổ chức kinh doanh chứng khoán, doanh nghiệp bảo hiểm.

- Nghiên cứu sửa các quy định về mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư gián tiếp theo hướng tiếp tục tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài và các quỹ đầu tư nước ngoài trong việc được mở và sử dụng tài khoản thanh toán.

5.3. Đối với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại cơ sở hàng hóa; cơ cấu lại các tổ chức kinh doanh chứng khoán trên thị trường; cơ cấu lại cơ sở nhà đầu tư và cơ cấu lại tổ chức thị trường theo chỉ đạo của Bộ Tài chính.

- Rà soát, sửa đổi các quy chế về xếp loại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, về thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro cho các tổ chức kinh doanh chứng khoán, về quản trị công ty đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, giám sát TTCK. Xây dựng và triển khai Đề án tổng thể về công nghệ thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan thực thi các cam kết và các chương trình hợp tác quốc tế trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK.

Kết luận: Nghiên cứu đã tập trung làm rõ luận cứ khoa học của đối tượng nghiên cứu, đó là nêu lên khái niệm, chu chuyển vốn và phân loại Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Nghiên cứu cũng đã phân tích các cơ sở pháp lý cho sự ra đời, hoạt động và phát trển các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Với việc phân tích, so sánh dựa trên số liệu và tư thiếu thứ cập, nghiên cứu đã làm rõ thực trạng hoạt động, đưa ra quan điểm đánh giá về những kết quả chủ yếu đạt được, những hạn chế và nguyên nhân. Nghiên cứu cũng đưa các hàm ý chính sách đối với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và Ủy ban chứng khoán nhà nước nhằm góp phần phát triển bền vững Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ở Việt Nam trong thời tới.

Tài liệu tham khảo:

Bộ Tài chính, (2004). Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Bản cứng, Hà Nội: Bộ Tài chính.

Bộ Tài chính. (2008). Quyết định số 125/2008/QĐ-BTC về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ. Bản cứng, Hà Nội: Bộ Tài chính.

Bộ Tài chính. (2020). Thông tư số 99/2020/TT-BTC hướng dẫn hoạt động của công ty quản lý quỹ. Truy cập tại: https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Thong-tu-99-2020-TT-BTC-huong-dan-hoat-dong-cua-cong-ty-quan-ly-quy-dau-tu-chung-khoan-461198.aspx; Ngày truy cập 25/10/2024.

HOSE. (2024). Báo cáo tổng kết thị trường chứng khoán năm 2023. Bản cứng. Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Quốc hội. (2006). Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11. Bản cứng. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

Quốc hội. (2010). Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán. Bản cứng. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

Quốc hội. (2019). Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14. truy cập tại: https://thuvienphapluat.vn/van-ban/chung-khoan/Luat-Chung-khoan-nam-2019-399763.aspx; Ngày truy cập 25/10/2024.

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. (2013-2024). Báo cáo thường niên thị trường chứng khoán Việt Nam hàng năm, các năm 2013 - 2024. Bản cứng. Hà Nội: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. (2025). Báo cáo sơ kết thị trường chứng khoán Việt Nam 6 tháng đầu năm 2025 và dự báo 6 tháng cuối năm 2025. Bản cứng. Tài liệu lưu hành nội bộ. Hà Nội: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

U.S. Securities and Exchange Commission. (1940). Investment Company Act of 1940. Washington, D.C.: truy cập tại: https://www.sechistorical.org/museum/timeline/1940-timeline.php; Ngày truy cập 25/10/2024.